

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v giao vốn sự nghiệp thực hiện chương trình  
mục tiêu quốc gia năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 38/2017/TT-BTC ngày 28/06/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 03/03/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020, với tổng kinh phí 18.231 triệu đồng (Mười tám tỷ, hai trăm ba mươi một triệu đồng chẵn), trong đó:

1. Vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 13.891,0 triệu đồng (chi tiết có biểu số I kèm theo).

2. Vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo (135): 3.8370 triệu đồng (chi tiết có biểu số II kèm theo).

3. Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (hoạt động truyền thông, hoạt động nâng cao năng lực, kiểm tra giám sát chương trình, điều tra hộ nghèo tổ chức đánh giá chương trình): 215,0 triệu đồng (có biểu số III kèm theo).

4. Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo (hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ngoài 135, 30a): 288 triệu đồng (chi tiết có biểu số IV kèm theo).

**Điều 2.** Giao trách nhiệm các cơ quan, đơn vị và chủ đầu tư có tên tại Điều 1 có trách nhiệm:

- Quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.
- Triển khai thực hiện đúng tiêu chí, định mức theo quy định của bộ, ngành Trung ương, tỉnh hướng dẫn thực hiện kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020.
- Thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán vốn đúng quy định của nhà nước.
- Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các Chủ đầu tư thực hiện các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định, dự án duy tu bảo dưỡng NTM.

- Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các xã, thị trấn mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm văn hóa xã, Nhà văn hóa thôn, làng để đạt chuẩn Văn hóa theo tiêu chí Nông thôn mới.

- Tổ thẩm định các dự án Chương trình MTQG năm 2020 thực hiện thẩm định Dự án theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn Phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

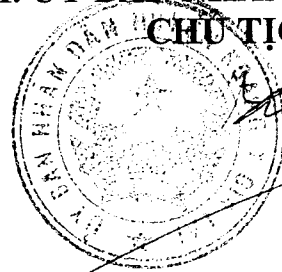
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *[Handwritten signature]*

**Nơi nhận:**

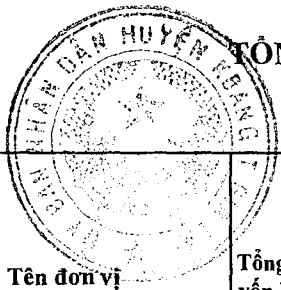
- Như Điều 3;
- TT UBND huyện;
- Lưu VT, VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

**CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Phán**



## TỔNG HỢP GIAO KINH PHÍ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 03 / 4 /2020 của UBND huyện Kbang)

ĐVT: Triệu đồng

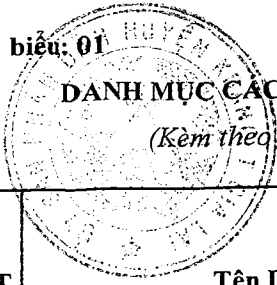
STT	Tên đơn vị	Tổng kế hoạch vốn Năm 2020	Trong đó										Chủ đầu tư	Ghi chú
			Hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị (1)	Hỗ trợ phát triển HTX (2)	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (3)	Hoàn thiện trung tâm văn hóa, nhà văn hóa thôn, làng (4)	Vệ sinh môi trường nông thôn (5)	Phát triển ngành nghề nông thôn (OCOP) (6)	Hỗ trợ cơ quan chỉ đạo các cấp và văn phòng NTM (8)	Hỗ trợ công tác truyền thông về xây dựng NTM (9)	Nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng NTM (10)	Xây dựng đề án NTM giai đoạn 2021-2025 (11)		
1	2	3=4+...+13	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>13.891,0</b>	<b>5.085,0</b>	<b>74,0</b>	<b>650,0</b>	<b>1.146,0</b>	<b>4.900,0</b>	<b>1.366,0</b>	<b>450,0</b>	<b>130,0</b>	<b>40,0</b>	<b>50,0</b>		
1	UBND xã Kon Pne	508,0				70,0	395,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã Kon Pne	
2	UBND xã ĐăkSmar	157,0				46,0	68,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã ĐăkSmar	
3	UBND xã Kông Bờ La	813,0	250,0			120,0	400,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã Kông Bờ La	
4	UBND xã Krong	1.137,0				120,0	974,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã Krong	
5	UBND xã Kông Long Khong	1.304,0	150,0			130,0	981,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã K. Long Khong	
6	UBND xã Đăkrong	1.443,0	430,0			170,0	800,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã Đăkrong	
7	UBND xã Lơ Ku	887,0	350,0			140,0	354,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã Lơ Ku	
8	UBND xã Sơ Lang	108,0				20,0	60,0		20,0	5,0		3,0	UBND xã Sơ Lang	
9	UBND xã Tư Tung	449,0				90,0	316,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã Tư Tung	
10	UBND xã ĐăkHlơ	333,0	125,0			90,0	90,0		20,0	5,0		3,0	UBND xã ĐăkHlơ	
11	UBND Xã Đông	263,0	100,0			15,0	120,0		20,0	5,0		3,0	UBND Xã Đông	
12	UBND xã Nghĩa An	163,0				15,0	120,0		20,0	5,0		3,0	UBND xã Nghĩa An	
13	UBND xã Sơ Pai	559,0	100,0	74,0		120,0	222,0		30,0	10,0		3,0	UBND xã Sơ Pai	
14	Văn Phòng điều phối NTM	171,0							100,0	20,0	40,0	11,0	Văn Phòng NTM	
15	Phòng Lao động TB&XH	650,0			650,0								Phòng LĐTB&XH	
16	Phòng Nông nghiệp và PTNT	4.946,0	3.580,0					1.366,0					Phòng NN&PTNT	

## \* Ghi chú:

- (1) Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo
- (2) Hỗ trợ tri thức trẻ làm việc có thời hạn tại HTX Quang Vinh
- (4) Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo
- (5) Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo
- (6) Chi tiết có phụ biểu số 04 kèm theo
- (8) Hỗ trợ 30 triệu đồng/xã đối với xã đăng ký đạt chuẩn 2020 và 20 triệu đồng/xã đối với các xã còn lại; VPNTM 100 triệu đồng để hỗ trợ BCĐ và văn Phòng NTM.
- (9) Hỗ trợ 10 triệu đồng/xã đối với xã đăng ký đạt chuẩn 2020 và 5 triệu đồng/xã đối với các xã còn lại; VPNTM 20 triệu đồng để thực hiện công tác truyền thông
- (11) Hỗ trợ 3 triệu đồng/xã và Văn Phòng NTM 11 triệu để triển khai lập đề án xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025

*Chu*

Phụ biểu: 01



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ NĂM 2020**

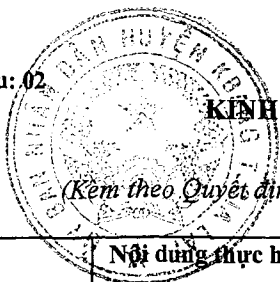
(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 03 / 4 /2020 của UBND huyện Kbang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó	
				UBND Huyện làm chủ đầu tư	UBND xã làm chủ đầu tư
1	Dự án trồng cây ăn quả (mít thái siêu sớm)	- Nghĩa An: 4 ha; - ĐăkHlơ: 4 ha; - Kông Long Khong: 8ha; - Kông Bờ La: 8 ha; - Lơ Ku: 2,5 ha	570,0	570,0	
2	Dự án trồng rừng sản xuất (keo lai, bạch đàn)	- Xã Tư Tung: 70 ha; - Xã ĐăkSmar: 34 ha; - Xã Đăkrong: 6 ha; - Xã Nghĩa An: 35 ha; - Xã Krong: 30 ha; - Kông Long Khong: 45 ha; - Xã Sơn Lang: 35 ha	1.320,0	1.320,0	
3	Dự án trồng cây Dược liệu (Đan sâm, đương quy,...) liên kết với công ty CP Đông Nam dược Gia lai	- Xã Sơ Pai: 0,9 ha; - Xã Sơn Lang : 1 ha; - Xã Đăkrong: 15 ha	595,0	595,0	
4	Dự án trồng cây công nghiệp dài ngày (cà phê chè Arabica, cà phê vối)	- Xã Kon Pne: 5 ha (cà phê chè); - Xã Krong: 10 ha (cà phê vối)	275,0	275,0	
5	Dự án trồng cây Mắc Ca	- Xã Krong: 41 ha; - Xã Kon Pne: 20 ha; - Xã ĐăkSmar: 13 ha.	820,0	820,0	
6	Dự án trồng Mắc Ca xen cây cà phê chè	Xã Đăkrong	430,0		430,0
7	Dự án trồng cây thực phẩm (Đậu cô ve)	Xã Lơ Ku	150,0		150,0
8	Dự án trồng cây lương thực (ngô biến đổi gen)		200,0		200,0
9	Dự án nuôi heo đen	Xã Kông Bờ la	70,0		70,0
10	Dự án nuôi bò sinh sản		125,0		125,0
11	Dự án Trồng dâu nuôi tằm		55,0		55,0
12	Dự án nuôi bò vỗ béo	Xã Đông	100,0		100,0
14	Hệ thống tưới nước tiết kiệm	Kông Long Khong	150,0		150,0
15	Dự án nuôi bò sinh sản	ĐăkHlơ	125,0		125,0
16	Dự án nuôi bò sinh sản	Xã Sơ Pai	100,0		100,0
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.085,0</b>	<b>3.580,0</b>	<b>1.505,0</b>

\* **Ghi chú:** Theo quy định dự án thực hiện trên địa bàn nhiều xã sẽ do Huyện làm chủ đầu tư, tuy nhiên do đặc điểm dự án nuôi bò sinh sản do các hộ dân tự lựa chọn con giống trong cộng đồng và thực hiện đối ứng kinh phí cao nên đề nghị giao UBND các xã làm chủ đầu tư để thuận tiện trong việc triển khai thực hiện.

Phụ biểu: 02



**KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐẠT CHUẨN TIÊU CHÍ VĂN HÓA  
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 03 / 4 /2020 của UBND huyện Kbang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Nội dung thực hiện nâng cao đời sống văn hóa trên địa bàn các xã		Tổng nhu cầu kinh phí	Trong đó		Ghi chú
		Trung tâm văn hóa xã	Nhà văn hóa thôn làng		Trung tâm văn hóa xã	Nhà văn hóa thôn, làng	
1	Xã Kon Pne	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	70,0	20,0	50,0	
2	Xã Đăkrong	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	170,0	40,0	130,0	
3	Xã Krong		Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	120,0		120,0	
4	Xã Lơ Ku	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	140,0	20,0	120,0	
5	Xã Sơ Pai	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	120,0	20,0	100,0	
6	Xã Sơn Lang		Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	20,0		20,0	
7	Xã Đăk Smar	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	46,0	20,0	26,0	
8	Xã Tơ Tung	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	90,0	30,0	60,0	
9	Kông Long Khong	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	130,0	20,0	110,0	
10	Xã Kông Bờ La	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	120,0	20,0	100,0	
11	Xã Đăk Hlơ	Mua sắm trang thiết bị thể thao	Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	90,0	40,0	50,0	
12	Xã Đông		Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	15,0		15,0	
13	Xã Nghã An		Mua sắm hệ thống âm thanh, khánh tiết	15,0		15,0	
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.146,0</b>	<b>230,0</b>	<b>916,0</b>	

\* Lưu ý: - Định mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/ nhà văn hóa thôn, làng.  
- Phòng Văn hóa và Thông tin hướng dẫn thực hiện.

Phụ biểu: 03

**KINH PHÍ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 03 / 4 /2020 của UBND huyện Kbang)

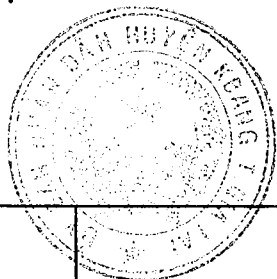
ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch thực hiện năm 2020		Tổng nhu cầu kinh phí (Tr. Đồng)	Trong đó		Ghi chú
		Hỗ trợ làm nhà tiêu HVS (Hộ)	Lấy mẫu xét nghiệm nước (Mẫu)		Hỗ trợ làm nhà tiêu HVS	Lấy mẫu xét nghiệm nước	
1	Xã Kon Pne	130	3	395,0	390,0	5,0	
2	Xã Đăkrong	260	12	800,0	780,0	20,0	
3	Xã Krong	316	16	974,0	946,0	28,0	
4	Xã Lơ Ku	113	9	354,0	339,0	15,0	
5	Xã Sơ Pai	70	7	222,0	210,0	12,0	
6	Xã Sơn Lang	20		60,0	60,0		
7	Xã Đăk Smar	20	5	68,0	60,0	8,0	
8	Xã Tơ Tung	100	10	316,0	300,0	16,0	
9	Kông Long Khong	322	9	981,0	966,0	15,0	
10	Xã Kông Bờ La	128	10	400,0	384,0	16,0	
11	Xã Đăk Hlơ	30		90,0	90,0		
12	Xã Đông	40		120,0	120,0		
13	Xã Nghĩa An	40		120,0	120,0		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.589,0</b>	<b>81,0</b>	<b>4.900,0</b>	<b>4.765,0</b>	<b>135,0</b>	

\* **Lưu ý:** Mức hỗ trợ hộ gia đình làm nhà tiêu HVS bình quân 3 triệu/hộ, đề nghị UBND các xã rà soát lấy ý kiến hộ gia đình về mẫu nhà tiêu thực hiện để thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng đúng định mức theo quy định.

*Handwritten signature*

Phụ biểu số: 04



## KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-UBND ngày 03 / 4 /2020 của UBND huyện Kbang)

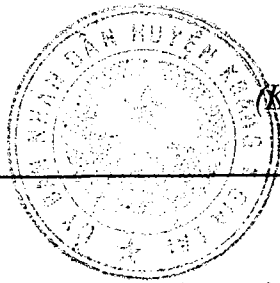
ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm OCOP được giao thực hiện năm 2020	Tổng kế hoạch kinh phí	Trong đó			Ghi chú
				Kinh phí tổ chức tập huấn	Kinh phí đánh giá sản phẩm	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm OCOP	
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	8	1.366,0	30,0	56,0	1.280,0	

\* Ghi chú: Nâng cấp 3 sản phẩm OCOP năm 2019 và thực hiện mới 5 sản phẩm.

*Nhu*

**TỔNG HỢP GIAO KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2020**



(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 03 / 4 /2020 của UBND huyện Kbang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Hệ số K	Tổng số	Tiểu dự án 2 (Hỗ trợ PTSX)			Tiểu Dự án 3 (Nâng cao năng lực cộng đồng)	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng	Trong đó				
					NS TW	NS Tỉnh			
1	2	3	4=5+...+8	5	6	7	8		
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.837,0</b>	<b>3.237,0</b>	<b>2.943,0</b>	<b>294,0</b>	<b>600,0</b>		
<b>I</b>	<b>XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN</b>		<b>2.412,0</b>	<b>2.412,0</b>	<b>2.193,0</b>	<b>219,0</b>	<b>0,0</b>		
1	Xã Kon Pne	0,8	310,0	310,0	237,0	73,0		UBND xã	
2	Xã Đăk Rong	1,2	429,0	429,0	356,0	73,0		UBND xã	
3	Xã Krong	1,2	429,0	429,0	356,0	73,0		UBND xã	
4	Xã Kông Long Khong	1,2	355,0	355,0	355,0			UBND xã	
5	Xã Đăk Smar	0,8	237,0	237,0	237,0			UBND xã	
6	Xã Lơ Ku	1,2	356,0	356,0	356,0			UBND xã	
7	Xã Kông Bờ La	1	296,0	296,0	296,0			UBND xã	
<b>II</b>	<b>THÔN LÀNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN</b>		<b>825,0</b>	<b>825,0</b>	<b>750,0</b>	<b>75,0</b>	<b>0,0</b>		
1	Xã Sơn Lang (4 làng)		220,0	220,0	200,0	20,0		UBND xã	
2	Xã Sơ Pai (3 làng)		165,0	165,0	150,0	15,0		UBND xã	
3	Thị trấn (4 làng/6 làng)		220,0	220,0	200,0	20,0		UBND xã	
4	Tơ Tung (4 làng/8 làng)		220,0	220,0	200,0	20,0		UBND xã	
<b>III</b>	<b>CƠ QUAN CHUYÊN MÔN</b>		<b>600,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>600,0</b>		
1	Phòng Dân tộc		600,0	0,0			600,0	Phòng Dân tộc	

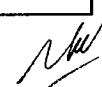



**CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2020 DỰ ÁN 04, 05**

(Kèm theo Quyết định số: 26 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND huyện Kbang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng kế hoạch vốn giao	Hoạt động nâng cao năng lực	Kiểm tra giám sát chương trình	Tổ chức hoạt động điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức hoạt động tổng kết đánh giá chương trình	Truyền thông về giảm nghèo	Chủ đầu tư	Ghi chú
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>215,0</b>	<b>60,0</b>	<b>20,0</b>	<b>80,0</b>	<b>55,0</b>		
1	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	215,0	60,0	20,0	80,0	55,0	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	



Biểu số: IV

## CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2020 (Dự án 03)

(Kèm theo Quyết định số: 26 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND huyện Kbang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ngoài CT 30a và CT 135	Trong đó		Chủ đầu tư	Ghi chú
			NS TW	NSDP		
A	B	1=2+3	2	3		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>288,0</b>	<b>178,0</b>	<b>110,0</b>		
1	Xã Tơ Tung	44,5	44,5		UBND Xã Tơ Tung	
2	Xã Đăk Hlơ	44,5	44,5		UBND Xã Đăk Hlơ	
3	Xã Đông	55,0		55,0	UBND Xã Đông	
4	Xã Nghĩa An	55,0		55,0	UBND Xã Nghĩa An	
5	Xã Sơ Pai	44,5	44,5		UBND Xã Sơ Pai	
6	Xã Sơn Lang	44,5	44,5		UBND Xã Sơn Lang	

